

DỰ THẢO 1

ĐIỀU LỆ

**Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông
và trường phổ thông có nhiều cấp học**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2020/TT-BGDĐT ngày / /2020
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học quy định về tổ chức và quản lý nhà trường; chương trình và các hoạt động giáo dục; giáo viên, nhân viên; học sinh; tài chính và tài sản của trường; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

2. Điều lệ này áp dụng cho các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông (sau đây gọi chung là trường trung học), tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí của trường trung học trong hệ thống giáo dục quốc dân

Trường trung học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Điều 3. Tổ chức trường trung học

Tổ chức trường trung học gồm: Hội đồng trường, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tư vấn, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn, tổ chức Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, tổ hành chính, các lớp học sinh.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giải trình của trường trung học

Trường trung học có những nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giải trình sau đây:

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, xác định rõ tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi, giá trị về văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; huy động, sắp xếp các nguồn lực thực hiện kế hoạch giáo dục bảo đảm tính dân chủ, chủ động, sáng tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

3. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

4. Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

5. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

7. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

8. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

9. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

10. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục.

11. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm giải trình với xã hội, người học, cơ quan quản lý và giáo viên, nhân viên, người lao động trong cơ sở giáo dục mọi hoạt động theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Loại hình và hệ thống trường trung học

1. Trường trung học được tổ chức theo hai loại hình: công lập và tư thục

a) Trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và Nhà nước trực tiếp quản lý. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm;

b) Trường tư thục do nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và đảm điều kiện hoạt động, được thành lập khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của trường tư thục là nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

2. Các trường có một cấp học gồm:

a) Trường trung học cơ sở;

b) Trường trung học phổ thông.

3. Các trường phổ thông có nhiều cấp học gồm:

a) Trường tiểu học và trung học cơ sở;

b) Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông;

- c) Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.
- 4. Các trường chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác gồm:
 - a) Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú;
 - b) Trường chuyên, trường năng khiếu;
 - c) Trường, lớp dành cho người khuyết tật;
 - d) Trường giáo dưỡng;
 - e) Các cơ sở giáo dục khác.

Điều 6. Tên trường, biển tên trường

1. Việc đặt tên trường được quy định như sau:

Trường trung học cơ sở (hoặc: trung học phổ thông; tiểu học và trung học cơ sở; trung học cơ sở và trung học phổ thông; tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; trung học phổ thông chuyên) + tên riêng của trường.

2. Tên trường được ghi trên quyết định thành lập, con dấu, biển tên trường và giấy tờ giao dịch.

3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên, bên trái:

- Đối với trường trung học có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở:

Dòng thứ nhất: Ủy ban Nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố) trực thuộc tỉnh và tên huyện (quận, thị xã, thành phố) thuộc tỉnh.

Dòng thứ hai: Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với trường trung học có cấp trung học phổ thông:

Dòng thứ nhất: Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

c) Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại.

d). Chỉ những trường có vốn đầu tư nước ngoài mới đề tên biển trường quốc tế.

4. Tên trường và biển tên trường của trường chuyên biệt có quy chế tổ chức và hoạt động riêng thì thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của loại trường chuyên biệt đó.

Điều 7. Phân cấp quản lý

1. Trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện) thành lập quản lý.

2. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý.

3. Trường chuyên biệt có quy chế tổ chức và hoạt động riêng thì thực hiện phân cấp quản lý theo quy chế tổ chức và hoạt động của loại trường chuyên biệt đó.

Điều 8. Tổ chức, hoạt động của trường trung học có cấp tiểu học, trường trung học chuyên biệt và trường trung học tư thực

1. Trường trung học có cấp tiểu học phải tuân theo các quy định của Điều lệ này và Điều lệ trường tiểu học.

2. Các trường trung học chuyên biệt, trường trung học tư thực quy định tại Điều 5 của Điều lệ này tuân theo các quy định của Điều lệ này và quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt, trường tư thực do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 9. Nội quy trường trung học

Trường trung học căn cứ quy định của Điều lệ này và các quy chế, điều lệ quy định tại Điều 8 của Điều lệ này (đối với trường trung học có cấp tiểu học, trường trung học chuyên biệt, trường trung học tư thực) để xây dựng nội quy của nhà trường.

Chương II

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG

Điều 10. Chương trình giáo dục và kế hoạch giáo dục

1. Trường trung học thực hiện chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và nội dung giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chủ trì tổ chức biên soạn, thẩm định, được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt; thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, nhà trường.

2. Căn cứ chương trình các môn học, hoạt động giáo dục, nội dung giáo dục của địa phương, khung kế hoạch thời gian năm học và điều kiện thực tiễn của địa phương, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông để điều hành hoạt động giáo dục.

34. Học sinh khuyết tật học hòa nhập được thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với khả năng của từng cá nhân và quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người khuyết tật.

Điều 11. Sách giáo khoa, thiết bị dạy học và tài liệu tham khảo

1. Sách giáo khoa và thiết bị dạy học sử dụng trong dạy học tại trường trung học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; sách giáo khoa do ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lựa chọn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường trung học sử dụng sách giáo khoa trong quá trình dạy và học; hướng dẫn giáo viên, học sinh sử dụng sách giáo khoa theo qui định pháp luật.

2. Nhà trường lựa chọn, trang bị xuất bản phẩm tham khảo phục vụ cho hoạt động dạy học theo qui định hành.

Điều 12. Các hoạt động giáo dục

1. Các hoạt động giáo dục bao gồm hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

2. Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc, tự chọn và lựa chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khoá về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh.

Điều 13. Hệ thống hồ sơ về hoạt động giáo dục

Hệ thống hồ sơ, sổ sách quản lý hoạt động giáo dục trong trường gồm:

1. Đối với nhà trường:
 - a) Sổ đăng bộ;
 - b) Sổ theo dõi phổ cập giáo dục (đối với cấp trung học cơ sở);
 - c) Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (bao gồm cả học sinh khuyết tật);
 - d) Sổ ghi đầu bài;
 - đ) Học bạ học sinh;
 - e) Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ;
 - g) Hồ sơ kiểm tra, đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên và người lao động;
 - h) Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến;
 - i) Hồ sơ quản lý thiết bị giáo dục, thư viện;
 - k) Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính;
 - l) Hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh.
2. Đối với tổ chuyên môn:
 - a) Kế hoạch hoạt động chuyên môn;
 - b) Sổ ghi chép nội dung sinh hoạt chuyên môn.
3. Đối với giáo viên:
 - a) Kế hoạch giáo dục;
 - b) Kế hoạch bài học (giáo án);
 - c) Sổ theo dõi, đánh giá học sinh;

d) Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp).

4. Trường trung học sử dụng hồ sơ, sổ sách qui định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này dạng số hoá thay cho các loại hồ sơ, sổ sách giấy theo lộ trình phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường, khả năng thực hiện của giáo viên và bảo đảm tính hợp pháp của các loại hồ sơ, sổ sách điện tử. Việc quản lý và lưu giữ hồ sơ, sổ sách điện tử do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định.

5. Việc bảo quản hồ sơ của nhà trường được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 14. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

1. Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo Quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo quy định trong chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Việc đánh giá học sinh bảo đảm tính toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan, vì sự tiến bộ của học sinh; chú trọng đánh giá quá trình học tập của học sinh; đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; đánh giá, coi trọng việc động viên khuyến khích học sinh tiến bộ. Không so sánh học sinh này với học sinh khác và không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

4. Học sinh học tiểu học ở trường phổ thông có nhiều cấp học học hết chương trình tiểu học, đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được hiệu trưởng nhà trường xác nhận vào học bạ việc hoàn thành chương trình tiểu học.

5. Học sinh học hết chương trình trung học cơ sở, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

6. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không dự thi hoặc thi không đạt yêu cầu thì được hiệu trưởng nhà trường cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh theo lộ trình phù hợp với thực tế của cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đánh giá vì sự phát triển học sinh, đánh giá thúc đẩy đổi mới dạy học, giáo dục.

Điều 15. Giữ gìn và phát huy truyền thống nhà trường

1. Trường trung học có phòng truyền thống để giữ gìn những tài liệu, hiện vật có liên quan tới việc thành lập và phát triển của nhà trường để phục vụ nhiệm vụ giáo dục truyền thống nhà trường cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Mỗi trường có thể chọn một ngày trong năm làm ngày truyền thống của trường.

3. Học sinh cũ của trường được thành lập ban liên lạc để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường, huy động các nguồn lực để giúp đỡ nhà trường trong việc thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Điều 16. Phát triển văn hóa đọc

1. Trường trung học tạo điều kiện cho giáo viên, học sinh tiếp cận và sử dụng thông tin từ thư viện, các nguồn thông tin hữu ích khác để phát triển văn hoá đọc trong nhà trường.

2. Trường trung học có trách nhiệm hướng dẫn phương pháp, kỹ năng đọc và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin cho giáo viên, học sinh.

Điều 17. Hợp tác quốc tế

1. Khuyến khích các nhà trường xây dựng kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế tại nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức các hoạt động hợp tác, giao lưu với các cơ sở giáo dục, tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA GIÁO VIÊN

Điều 18. Nhiệm vụ của giáo viên

1. Thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông và kế hoạch giáo dục của nhà trường; chuẩn bị kế hoạch dạy học, đánh giá học sinh; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục.

2. Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

3. Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giáo dục.

4. Tham gia công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở địa phương.

5. Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

6. Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Thanh niên, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

Điều 19. Quyền của giáo viên

1. Giáo viên có những quyền sau đây:

- a) Được giảng dạy theo chuyên môn đào tạo;
- b) Được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp theo quy định; được thay đổi chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp; được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định;
- c) Được hợp đồng thỉnh giảng, nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở giáo dục khác hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ nơi mình công tác;
- d) Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể;
- đ) Được nghỉ hè theo quy định và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Giáo viên chủ nhiệm ngoài các quyền quy định tại khoản 1 của Điều này, còn có những quyền sau đây:

- a) Được dự các giờ học, hoạt động giáo dục khác của học sinh lớp mình;
- b) Được dự các cuộc họp của Hội đồng khen thưởng và Hội đồng kỷ luật khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến học sinh của lớp mình;
- c) Được dự các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề về công tác chủ nhiệm;
- d) Được quyền cho phép cá nhân học sinh nghỉ học không quá 3 ngày liên tục;
- đ) Được giảm giờ lên lớp hàng tuần theo quy định khi làm chủ nhiệm lớp.

Điều 20. Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên và chuẩn nghề nghiệp giáo viên

1. Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên được quy định như sau:

a) Giáo viên trường trung học phải có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên (hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm) hoặc có bằng cử nhân (bằng tốt nghiệp đại học) chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định của từng cấp học;

b) Giáo viên chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải tham gia lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Chính phủ nếu thuộc đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn, hoặc thực hiện theo quy định về việc sử dụng nhà giáo chưa đáp ứng trình độ chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo nếu không thuộc đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn của Chính phủ.

2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên

Giáo viên trường trung học phải đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên tương ứng với cấp học đang giảng dạy và thực hiện việc đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 21. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của giáo viên

1. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của giáo viên phải đúng mực, có tác dụng giáo dục đối với học sinh.

2. Trang phục của giáo viên phải chỉnh tề, phù hợp với hoạt động sư phạm, theo quy định của Chính phủ về trang phục của viên chức Nhà nước.

Điều 22. Các hành vi giáo viên không được làm

Giáo viên không được có các hành vi sau đây:

1. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể của học sinh và đồng nghiệp.
2. Gian lận trong kiểm tra, thi cử, tuyển sinh; gian lận trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.
3. Xuyên tạc nội dung giáo dục; dạy sai nội dung kiến thức, không đúng với quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước Việt Nam.
4. Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền. Nghiêm cấm giáo viên lợi dụng việc tài trợ, ủng hộ giáo dục để ép buộc đóng góp tiền/hiện vật.
5. Hút thuốc lá, uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích khác khi đang tham gia các hoạt động giáo dục; sử dụng điện thoại di động khi đang dạy học trên lớp không phục vụ cho việc dạy học, giáo dục tại thời điểm đó.
6. Bỏ giờ, bỏ buổi dạy, tùy tiện cắt xén chương trình giáo dục.

Điều 23. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Giáo viên có thành tích sẽ được khen thưởng, được phong tặng các danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác.
2. Giáo viên có hành vi vi phạm quy định tại Điều lệ này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA NHÂN VIÊN

Điều 24. Nhân viên trường trung học

Nhân viên trường trung học gồm có: nhân viên thiết bị, thí nghiệm; nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; nhân viên giáo vụ; nhân viên thư viện, nhân viên công nghệ thông tin; nhân viên kế toán; nhân viên thủ quỹ; nhân viên văn thư; nhân viên y tế.

Điều 25. Nhiệm vụ của nhân viên trường trung học

1. Xây dựng kế hoạch công việc phù hợp với từng vị trí việc làm và yêu cầu của từng cấp học.
2. Thực hiện kế hoạch công việc được duyệt.
3. Quản lý, bảo quản hồ sơ, sổ sách, thiết bị, dụng cụ theo quy định.
4. Phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình triển khai nhiệm vụ, phục vụ các hoạt động dạy học và giáo dục trong trường.
5. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.
6. Tham gia tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

Điều 26. Quyền của nhân viên trường trung học

1. Được hoạt động nghề nghiệp theo chuyên môn đào tạo.
2. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
3. Được trả lương và các chế độ liên quan đến tiền lương theo quy định;
4. Được quyền nghỉ ngơi theo quy định.
5. Được quyền hoạt động kinh doanh và làm việc ngoài thời gian quy định.
6. Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể.
7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhân viên

Đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định hiện hành tương ứng với từng vị trí việc làm.

Điều 28. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của nhân viên

1. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của nhân viên phải đúng mực, phù hợp với môi trường sư phạm, có tác dụng giáo dục đối với học sinh.
2. Trang phục của nhân viên phải chỉnh tề, phù hợp với môi trường sư phạm, theo quy định của Chính phủ về trang phục của viên chức Nhà nước.

Điều 29. Các hành vi nhân viên không được làm

1. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác công việc hoặc nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc; tham gia đình công.
2. Sử dụng tài sản của nhà trường trái với quy định của pháp luật.
3. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.
4. Lợi dụng hoạt động nghề nghiệp để tuyên truyền chống lại chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội.
5. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
6. Những hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Nhân viên có thành tích sẽ được khen thưởng theo quy định.
2. Nhân viên có hành vi vi phạm quy định tại Điều lệ này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA HỌC SINH

Điều 31. Tuổi học sinh trường trung học

1. Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi.

Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 và lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.

2. Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.

3. Học sinh không được lưu ban quá 01 lần trong một lớp học.

4. Học sinh có thể lực tốt và phát triển sớm về trí tuệ có thể vào học trước tuổi hoặc học vượt lớp trong phạm vi cấp học. Việc xem xét đối với từng trường hợp cụ thể được thực hiện theo các bước sau:

a) Cha mẹ hoặc người đỡ đầu có đơn đề nghị với nhà trường.

b) Hiệu trưởng nhà trường thành lập hội đồng khảo sát, tư vấn gồm thành phần cơ bản sau: đại diện của Lãnh đạo trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường; giáo viên dạy lớp học sinh đang theo học;

c) Căn cứ kết quả khảo sát của hội đồng tư vấn, hiệu trưởng xem xét, quyết định.

5. Học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở, trung học phổ thông ở nước ngoài về nước, con em người nước ngoài làm việc tại Việt Nam được học ở trường trung học cơ sở hoặc trường trung học phổ thông tại nơi cư trú hoặc trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở ngoài nơi cư trú nếu trường đó có khả năng tiếp nhận. Việc xem xét đối với từng trường hợp cụ thể được thực hiện theo các bước sau:

a) Cha mẹ hoặc người đỡ đầu có đơn đề nghị với nhà trường;

b) Hiệu trưởng nhà trường tổ chức khảo sát trình độ của học sinh và xếp vào lớp phù hợp.

Điều 32. Nhiệm vụ của học sinh

1. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường.

2. Kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước.

3. Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân.

4. Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia

đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông.

5. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

Điều 33. Quyền của học sinh

1. Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định.

2. Được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được quyền học chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định theo Điều 30 của Điều lệ này.

3. Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được giáo dục kỹ năng sống.

4. Được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt.

5. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh

1. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của học sinh trung học phải đúng mực, tôn trọng, lễ phép, thân thiện bảo đảm tính văn hoá, phù hợp với đạo đức và lối sống của lứa tuổi học sinh trung học.

2. Trang phục của học sinh phải chỉnh tề, sạch sẽ, gọn gàng, thích hợp với độ tuổi, thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt ở nhà trường.

Điều 35. Các hành vi học sinh không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, người khác và học sinh khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.

3. Mua bán, sử dụng rượu, bia, thuốc lá, chất gây nghiện và các chất kích thích khác.

4. Sử dụng điện thoại di động, các thiết bị khác khi đang học tập trên lớp không phục vụ cho việc học tập và không được giáo viên cho phép.

5. Đánh nhau, gây rối trật tự, an ninh trong nhà trường và nơi công cộng.

6. Sử dụng, trao đổi sản phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy; không sử dụng đồ chơi hoặc trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của bản thân.

7. Các hoạt động vi phạm pháp luật.

Điều 36. Khen thưởng và kỷ luật

1. Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện được giáo viên, nhà trường và các cấp quản lý giáo dục khen thưởng bằng các hình thức sau đây:

- a) Tuyên dương trước lớp hoặc trước toàn trường;
- b) Khen thưởng học sinh giỏi;
- c) Cấp giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, nếu đạt thành tích nổi bật hoặc có tiến bộ vượt bậc trong một số lĩnh vực học tập, phong trào thi đua; đạt thành tích trong các kỳ thi, hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- d) Các hình thức khen thưởng khác.

2. Học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện có thể được khuyến răn hoặc xử lý kỉ luật theo các hình thức sau đây:

- a) Nhắc nhở, hỗ trợ giúp đỡ trực tiếp để học sinh tiến bộ hơn;
- b) Khiển trách thông báo với cha mẹ học sinh nhằm phối hợp giúp đỡ học sinh khắc phục khuyết điểm;
- c) Buộc thôi học có thời hạn.

Chương VI

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Điều 37. Điều kiện, thủ tục thành lập; điều kiện hoạt động giáo dục; sáp nhập, chia tách, đình chỉ hoạt động, giải thể trường trung học và các cơ sở giáo dục khác

1. Điều kiện, thủ tục thành lập trường trung học công lập, cho phép thành lập trường trung học tư thục; điều kiện, thủ tục để trường trung học hoạt động giáo dục; sáp nhập, chia tách trường trung học; đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường trung học; giải thể trường trung học thực hiện theo quy định của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

2. Điều kiện, thủ tục để cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục trung học; đình chỉ, thu hồi quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục trung học thực hiện theo quy định của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

3. Điều kiện để trường trung học và cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục trung học hoạt động phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu theo quy định hiện hành.

Điều 38. Hội đồng trường

1. Hội đồng trường của trường công lập

a) Hội đồng trường của trường công lập là tổ chức quản trị nhà trường, thực hiện quyền đại diện sở hữu của nhà trường và các bên có lợi ích liên quan, chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và

giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục;

b) Thành phần của Hội đồng trường gồm: bí thư cấp ủy; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương và ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh;

Hội đồng trường có chủ tịch, thư ký và các thành viên khác. Số lượng thành viên của Hội đồng trường là số lẻ, ít nhất từ 09 đến 15 người.

c) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường trung học công lập: Quyết nghị về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển nhà trường các dự án trong từng giai đoạn và từng năm học. Quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát tổ chức hoạt động tuyển sinh; giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Nhà trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực của nhà trường;

d) Hoạt động của Hội đồng trường trung học công lập:

Hội đồng trường họp thường kỳ ít nhất ba lần trong một năm. Trong trường hợp cần thiết, khi hiệu trưởng hoặc ít nhất một phần ba số thành viên Hội đồng trường đề nghị, Chủ tịch Hội đồng trường có quyền triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường. Hội đồng trường có thể họp bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Hội đồng trường có thể mời đại diện các thành phần khác tham dự cuộc họp của Hội đồng trường khi cần thiết. Phiên họp Hội đồng trường được công nhận là họp lệ khi có mặt từ ba phần tư số thành viên của hội đồng trở lên (trong đó có Chủ tịch hội đồng). Quyết nghị của Hội đồng trường được thông qua và có hiệu lực khi được ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt nhất trí. Quyết nghị của Hội đồng trường được công bố công khai.

Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm thực hiện các quyết nghị hoặc kết luận của Hội đồng trường về những nội dung được quy định tại mục c, khoản 1 của Điều này. Trường hợp hiệu trưởng không nhất trí với quyết nghị của Hội đồng trường cần xin ý kiến cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp của nhà trường. Trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, hiệu trưởng vẫn phải thực hiện theo quyết nghị của Hội đồng trường đối với các vấn đề không trái với pháp luật hiện hành và Điều lệ này;

e) Thủ tục thành lập Hội đồng trường trung học công lập:

- Đối trường trung học chưa có Hội đồng trường: Căn cứ vào cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng trường, hiệu trưởng tổng hợp danh sách nhân sự do tập thể giáo viên và các tổ chức, đoàn thể nhà trường giới thiệu, làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện ra quyết định công nhận Hội đồng trường (đối với cấp trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp

học cao nhất là trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện có cấp trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo). Chủ tịch hội đồng trường do các thành viên hội đồng bầu; thư ký hội đồng do Chủ tịch hội đồng chỉ định. Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 05 năm; hằng năm, nếu có sự thay đổi về nhân sự, hiệu trưởng làm văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường;

- Đối với trường trung học đã có Hội đồng trường: Trường hợp đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà nhiệm kỳ của Hội đồng trường còn dưới 6 tháng thì Hội đồng trường hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ; đồng thời, tập thể lãnh đạo Hội đồng trường phải chỉ đạo thực hiện quy trình thành lập Hội đồng trường của nhiệm kỳ kế tiếp theo;

g) Việc chuyển thẩm quyền của Hội đồng quản trị sang Hội đồng trường công lập đối cơ sở giáo dục phổ thông được thực hiện theo quy định hiện hành;

2. Hội đồng trường của trường tư thục

a) Hội đồng trường của trường tư thục là tổ chức quản trị nhà trường, thực hiện quyền đại diện cho nhà đầu tư và các bên có lợi ích liên quan, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của nhà đầu tư;

b) Thành phần của hội đồng trường do nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài đầu tư gồm đại diện nhà đầu tư, thành viên trong và ngoài trường do hội nghị nhà đầu tư bầu, quyết định theo tỷ lệ vốn góp;

Thành phần của hội đồng trường của trường tư thục hoạt động không vì lợi nhuận do nhà đầu tư trong nước đầu tư gồm đại diện nhà đầu tư do các nhà đầu tư bầu, quyết định theo tỷ lệ vốn góp; thành viên trong và ngoài trường. Thành viên trong trường gồm các thành viên đương nhiên là bí thư cấp ủy, chủ tịch Công đoàn, đại diện ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hiệu trưởng; thành viên bầu là đại diện giáo viên và người lao động do hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường bầu. Thành viên ngoài trường gồm đại diện lãnh đạo nhà quản lý, nhà giáo dục, doanh nhân, cựu học sinh do hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường bầu;

c) Nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục thành lập và hoạt động của Hội đồng trường đối với trường trung học tư thục được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tư thục thuộc các cấp học phổ thông.

Điều 39. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng

a) Hiệu trưởng trường trung học là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường;

b) Người được bổ nhiệm đối với trường công lập hoặc công nhận đối với trường tư thục làm hiệu trưởng trường trung học phải đạt tiêu chuẩn theo quy định;

c) Nhiệm kỳ của hiệu trưởng trường trung học là 5 năm. Sau mỗi năm học hiệu trưởng được viên chức, nhân viên trong trường góp ý và cấp có thẩm quyền đánh giá theo quy định. Hiệu trưởng công tác tại một trường trung học công lập không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp;

d) Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng:

- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường;
- Thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường;
- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục, các kế hoạch nhiệm vụ năm học, trong đó chú trọng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;
- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;
- Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; thực hiện việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động; tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;
- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh tiểu học (nếu có) của trường phổ thông có nhiều cấp học và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;
- Quản lý tài chính và tài sản của nhà trường;
- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường;
- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường;
- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;
- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định;
- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Phó hiệu trưởng

a) Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền;

b) Người được bổ nhiệm hoặc công nhận làm phó hiệu trưởng trường trung học phải đạt tiêu chuẩn theo quy định;

c) Nhiệm kỳ của phó hiệu trưởng trường trung học là 05 năm. Sau mỗi năm học phó hiệu trưởng được viên chức, người lao động trong trường góp ý và cấp có thẩm quyền đánh giá theo quy định;

d) Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

3. Thẩm quyền bổ nhiệm hoặc công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung học:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông) ra quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường công lập, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường tư thục sau khi thực hiện các quy trình bổ nhiệm cán bộ theo quy định hiện hành của Nhà nước. Quy trình bổ nhiệm hoặc công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Người có thẩm quyền bổ nhiệm thì có quyền bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung học.

Điều 40. Các hội đồng khác trong nhà trường

1. Hội đồng thi đua và khen thưởng

Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học để giúp Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: phó hiệu trưởng, bí thư cấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, đại diện thành viên của Hội đồng trường, Chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có), tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (nếu có), tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng và các giáo viên chủ nhiệm lớp.

2. Hội đồng kỷ luật

a) Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét hoặc xoá kỷ luật đối với học sinh theo từng vụ việc. Hội đồng kỷ luật do hiệu trưởng quyết định thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: phó hiệu trưởng, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có), tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (nếu có), giáo viên chủ nhiệm lớp có học sinh vi phạm, một số giáo viên có kinh nghiệm giáo dục và trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh của trường;

b) Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét và đề nghị xử lý kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, viên chức khác theo từng vụ việc. Việc thành lập, thành phần và hoạt động của Hội đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Hiệu trưởng thành lập các hội đồng tư vấn khác theo yêu cầu cụ thể của từng công việc. Nhiệm vụ, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng này do hiệu trưởng quy định.

Điều 41. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các đoàn thể trong nhà trường

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

2. Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Điều 42. Tổ chuyên môn

1. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường được tổ chức thành các tổ, nhóm chuyên môn.

Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng, từ 1 đến 2 tổ phó chịu sự quản lý chỉ đạo của hiệu trưởng, do hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học.

2. Tổ chuyên môn có những nhiệm vụ sau:

a) Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, chủ động xây dựng, giải trình và quyết định kế hoạch hoạt động chuyên môn của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học;

b) Thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ chủ động và linh hoạt;

c) Đề xuất các xuất bản phẩm tham khảo để lựa chọn sử dụng trong nhà trường;

d) Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học và giới thiệu tổ trưởng, tổ phó;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

3. Tổ chuyên môn sinh hoạt ít nhất hai tuần một lần và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hay khi hiệu trưởng yêu cầu. Tổ chuyên môn hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn.

Điều 43. Tổ Văn phòng

1. Mỗi trường trung học có một tổ văn phòng gồm nhân viên thực hiện các công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học và các công tác khác. Tổ văn phòng có tổ trưởng, tổ phó (nếu có).

2. Nhiệm vụ của tổ văn phòng:

a) Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng, giải trình và quyết định kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, năm học;

b) Giúp hiệu trưởng thực hiện công tác văn thư, nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản, thống kê trong nhà trường theo quy định;

- c) Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ, của nhà trường;
- d) Tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động; giới thiệu tổ trưởng, tổ phó;
- đ) Quản lý, lưu trữ hồ sơ của trường;
- e) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công.

3. Tổ văn phòng sinh hoạt ít nhất 1 tháng một lần.

Điều 44. Lớp, tổ học sinh

1. Lớp

a) Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có lớp trưởng và các lớp phó do học sinh ứng cử hoặc giáo viên chủ nhiệm giới thiệu, được học sinh trong lớp bầu chọn vào đầu mỗi năm học;

b) Giao cho Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể số lượng học sinh trên lớp theo hướng giảm sĩ số. Mỗi lớp ở các cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 45 học sinh;

c) Số học sinh trong mỗi lớp của trường chuyên biệt được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt;

2. Mỗi lớp được chia thành nhiều tổ học sinh. Mỗi tổ có tổ trưởng và tổ phó do học sinh ứng cử hoặc giáo viên chủ nhiệm giới thiệu, được học sinh trong tổ bầu chọn vào đầu mỗi năm học.

3. Hoạt động của lớp học bảo đảm tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi học sinh được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, nhóm, lớp với sự hỗ trợ của giáo viên.

Chương VII

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 45. Tài chính của nhà trường

Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của trường trung học thực hiện theo các quy định của pháp luật và các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 46. Địa điểm, quy mô, diện tích

Địa điểm, quy mô, diện tích của trường phải đáp ứng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 47. Cơ sở vật chất của trường trung học

1. Hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật của nhà trường ít nhất phải bảo đảm mức tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học, thì cơ sở vật chất cấp ít nhất phải đạt mức tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu của trường phổ thông có nhiều cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Nhà trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất để đạt các mức tiêu chuẩn cơ sở vật chất cao hơn.

4. Có trách nhiệm quản lý và sử dụng cơ sở vật chất hiện có một cách hiệu quả, tránh lãng phí. Định kỳ có kế hoạch cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất theo quy định. Không đưa vào sử dụng những cơ sở vật chất đã hết niên hạn sử dụng khi chưa cải tạo sửa chữa.

Điều 48. Thiết bị giáo dục

1. Trường trung học được trang bị đủ thiết bị giáo dục, tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả thiết bị giáo dục trong dạy và học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Giáo viên có trách nhiệm sử dụng thiết bị giáo dục của nhà trường vào các hoạt động dạy và học, khuyến khích tự làm đồ dùng dạy học theo yêu cầu về nội dung và phương pháp được quy định trong chương trình giáo dục.

Điều 49. Thư viện

1. Mỗi trường trung học có ít nhất một thư viện. Thư viện được tổ chức và hoạt động theo quy định về tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi trường có tủ sách dùng chung.

2. Thư viện nhà trường phục vụ hoạt động học tập, dạy học, nghiên cứu khoa học, giải trí cho học sinh, giáo viên, cán bộ và nhân viên.

3. Thư viện nhà trường được sắp xếp bố trí an toàn, khoa học và phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trung học. Khuyến khích các nhà trường xây dựng thư viện mở tạo không gian đọc riêng dành cho học sinh.

4. Trang trí, sắp xếp thư viện thân thiện, sinh động, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trung học; phát triển thư viện điện tử ở những nơi có điều kiện.

5. Khuyến khích xã hội hóa trong đóng góp phát triển thư viện.

Chương VIII

QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 50. Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Mỗi lớp có một Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức trong mỗi năm học gồm các thành viên do cha mẹ, người giám hộ học sinh cử ra để phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn trong việc giáo dục học sinh.

2. Mỗi trường có một Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức trong mỗi năm học gồm một số thành viên do các Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp cử ra để phối hợp với nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp, từng trường trung học thực hiện theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Điều 51. Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

1. Nhà trường chủ động phối hợp thường xuyên và chặt chẽ với gia đình và xã hội để xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

2. Nhà trường phối hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân có liên quan nhằm:

a) Thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu giáo dục.

b) Huy động mọi lực lượng và nguồn lực của cộng đồng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường; xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những hoạt động có ảnh hưởng xấu đến học sinh; tạo điều kiện để học sinh được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh phù hợp với lứa tuổi./.

BỘ TRƯỞNG

Phùng Xuân Nhạ